BỘ Y TẾ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1827 /QĐ-BYT	*Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể Dự án "Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin" giai đoạn 2021-2023 (RAI3E) do Quỹ Toàn cầu phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét tài trợ

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Thư chính thức phê duyệt ngân sách cho Dự án ngày 10/12/2020 của Quỹ Toàn cầu;

Căn cứ Thỏa thuận bổ sung cam kết thực hiện Dự án giai đoạn 2021-2023 giữa Quỹ Toàn cầu phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét, Bộ Y tế và UNOPS;

Căn cứ Công văn số 184/TTg-QHQT ngày 09/02/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt chủ trương tham gia dự án "Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin" giai đoạn 2021 - 2023;

Căn cứ Công văn số 15236/BTC-QLN ngày 11/12/2020 của Bộ Tài chính góp ý tham gia dự án khu vực dự án do Quỹ Toàn cầu tài trợ cho Bộ Y tế và Công văn số 1395/BKHĐT-KTĐN ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư góp ý kiến về văn kiện dự án khu vực RAI3E do Quỹ Toàn cầu tài trợ;

Xét báo cáo số 182/KH-TC ngày 26/3/2021 về kết quả thẩm định Văn kiện và Kế hoạch tổng thể Dự án "Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021-2023" do Quỹ Toàn cầu phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét tài trợ;

LuatVietnam

Xét đề nghị của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương tại công văn số 148/VSR-QTC ngày 24/02/2021 và công văn số 213/VSR-RAI ngày 22/3/2021 về việc xin phê duyệt Văn kiện Dự án "Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin" do Quỹ Toàn cầu tài trợ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch tổng thể Dự án "Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin" giai đoạn 2021-2023 (RAI3E) do Quỹ Toàn cầu phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét tài trợ với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên Dự án: Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin.

2. Nhà tài trợ: Quỹ Toàn cầu phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét.

3. Cơ quan chủ quản: Bộ Y tế.

4. Chủ Dự án: Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương.

5. Thời gian thực hiện: 3 năm (từ năm 2021 đến hết năm 2023).

6. Địa điểm thực hiện Dự án: Dự án sẽ được triển khai tại 196 huyện của 36 tỉnh trọng điểm sốt rét bao gồm: Hà Giang, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, Lai Châu, Bắc Kạn, Cao Bằng, Hòa Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lăk, Đắk Nông, Bình Phước, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Dương, Tây Ninh, Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Kiên Giang và tại 3 Viện: Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng TP. Hồ Chí Minh và Cục Quân Y.

7. Mục tiêu của Dự án:

7.1. Mục tiêu tổng quát:

Tiếp tục đẩy lùi sốt rét; tập trung cao độ vào những vùng sốt rét lưu hành nặng, sốt rét kháng thuốc và các đối tượng nguy cơ cao, từng bước tiến tới loại trừ bệnh sốt rét ở các tỉnh có sốt rét lưu hành, củng cố các yếu tố bền vững ngăn chặn sốt rét quay trở lại.

LuatVietnam

- Đến năm 2023: Tỷ lệ mắc ký sinh trùng sốt rét dưới 0,016/1.000 dân.
- Tỷ lệ tử vong do sốt rét hàng năm dưới 0,002/100.000 dân.
- Không để dịch sốt rét xảy ra.

7.2. Mục tiêu cụ thể:

- Mục tiêu 1: Đảm bảo mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ chẩn đoán sớm, điều trị kịp thời và hiệu quả tại các cơ sở y tế nhà nước và tư nhân.
- Mục tiêu 2: Bảo vệ người dân trong vùng nguy cơ bằng các biện pháp phòng chống muỗi truyền bệnh sốt rét thích hợp.
- Mục tiêu 3: Nâng cao năng lực hệ thống giám sát dịch tễ sốt rét và đảm bảo năng lực đáp ứng dịch sốt rét.
- Mục tiêu 4: Nâng cao kiến thức và hành vi của người dân nhằm chủ động bảo vệ bản thân trước bệnh sốt rét.

- Mục tiêu 5: Quản lý và điều phối hiệu quả chương trình phòng chống và loại trừ sốt rét quốc gia.

8. Tổng vốn của Dự án:

Tổng vốn Dự án: 25.797.700,60 USD, trong đó:

- Vốn ODA: 23.579.303 USD do Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương quản lý và giải ngân cho các đơn vị thực hiện dự án.

- Vốn đối ứng: 51.683.156.919 VNĐ, tương đương: 2.218.397,60 USD, trong đó:

+ Nguồn ngân sách Trung ương từ nguồn ngân sách sự nghiệp y tế của Bộ Y tế phân bổ cho Ban Quản lý dự án 3 Viện (Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương; Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn; Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng TP. Hồ Chí Minh) là 3.393.040.000 VNĐ.

+ Nguồn ngân sách địa phương phân bổ vốn đối ứng cho các Ban Quản lý dự án tỉnh, huyện tại địa phương là 48.290.116.919 VNĐ.

9. Chi tiết Kế hoạch tổng thể của Dự án được nêu tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức thực hiện Dự án theo các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này; Chỉ đạo việc lập và phê duyệt dự toán chi tiết trên cơ sở kế hoạch tổng thể được Bộ Y tế phê duyệt theo đúng các quy định, định mức chi hiện hành. Các hoạt động chi mua sắm thực hiện theo đúng quy định của Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thực hiện của Bộ Y tế; Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định; Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về các Quyết định của mình.

LuatVietnam

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch-Tài chính; Hợp tác quốc tế; Trang thiết bị và Công trình y tế; Truyền thông và thi đua khen thưởng; Cục trưởng các Cục: Y tế dự phòng; Quản lý Khám chữa bệnh; Quản lý Dược; Viện trưởng Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng (để biết);
- Bộ KH&ĐT, Bộ TC;
- Ủy ban nhân dân 36 tỉnh thụ hưởng Dự án;
- Lưu: VT, KH-TC5.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Xuân Tuyên

BỘ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH TỔNG THỂ
Dự án "Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin" giai đoạn 2021-2023 (RAI3E) do Quỹ Toàn cầu phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét tài trợ

(Phụ lục kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày /4/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Bảng 1. Kế hoạch hoạt động và ngân sách 3 năm

Đơn vị: USD

Dòng ngân sách	Mã hoạt động	Nội dung hoạt động	Ngân sách 2021	Ngân sách 2022	Ngân sách 2023	Tổng 3 năm
Mục tiêu 1. Đảm bảo mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ chẩn đoán sớm, điều trị kịp thời và hiệu quả tại các cơ sở y tế nhà nước và tư nhân						
12.003	12.003	Cập nhật bộ câu hỏi và điều tra đánh giá online về chẩn đoán sốt rét bằng kính hiển vi và test chẩn đoán nhanh ở các cơ sở y tế công tại một số điểm sốt rét lưu hành	3.368,87			3.368,87
12.004	12.004	Tập huấn TOT về chẩn đoán sốt rét bằng kính hiển vi và test chẩn đoán nhanh cho cán bộ tuyến tỉnh và đại diện y tế các bộ ngành tại 3 miền		23.763,91		23.763,91
12.005	12.005	Tập huấn về chẩn đoán sốt rét bằng kính hiển vi và test chẩn đoán nhanh cho xét nghiệm viên điểm kính hiển vi tuyến huyện và xã	179.899,00		179.899,00	359.798,00
12.106	12.106	Mua kính hiển vi	126.000,00	126.000,00	126.000,00	378.000,00
12.108	12.108.01	Vận chuyển quốc tế kính hiển vi	18.900,00	18.900,00	18.900,00	56.700,00

LuatVietnam

Dòng ngân sách	Mã hoạt động	Nội dung hoạt động	Ngân sách 2021	Ngân sách 2022	Ngân sách 2023	Tổng 3 năm
12.109	12.109	Vận chuyển trong nước kính hiển vi	6.300,00	6.300,00	6.300,00	18.900,00
12.115	12.115	Phí quản lý mua kính hiển vi	8.315,35	8.315,35	8.315,35	24.946,05
12.105	12.105	Mua test chẩn đoán nhanh sốt rét cấp cho cơ sở y tế công	42.311,20	36.215,22	30.783,47	109.309,89
12.112	12.112	Mua test chẩn đoán nhanh sốt rét cấp cho cộng đồng	95.169,09	81.457,62	69.240,18	245.866,89
12.117	12.117	Mua test chẩn đoán nhanh sốt rét cấp cho y tế tư nhân	746,42	638,88	543,06	1.928,36
12.113	12.113	Vận chuyển quốc tế test chẩn đoán nhanh	20.734,01	17.746,76	15.085,01	53.565,78
12.114	12.114	Vận chuyển trong nước test chẩn đoán nhanh	6.911,34	5.915,59	5.028,34	17.855,26
12.118	12.118	Phí quản lý mua test chẩn đoán nhanh	6.854,09	4.777,77	4.190,04	15.821,90
12.104	12.104.01	Mua thuốc Artesunate tiêm cấp cho bệnh viện/trung tâm y tế	8.073,79	3.037,66	6.075,33	17.186,78
12.111	12.111.01	Mua thuốc Artesunate tiêm cấp cho tuyến xã	6.511,17	2.449,75	4.899,49	13.860,41
12.116	12.116.01	Mua thuốc Artesunate tiêm cấp cho y tế tư nhân	60,04	22,59	45,18	127,81
12.110	12.110.01	Vận chuyển quốc tế thuốc Artesunat tiêm	928,93	349,50	699,00	1.977,43
12.120	12.120.01	Vận chuyển trong nước thuốc Artesunate tiêm	146,45	55,10	110,20	311,75
12.104	12.104.02	Mua thuốc Primaquin cấp cho bệnh viện/trung tâm y tế	1.997,15	713,82	1.768,19	4.479,16
12.111	12.111.02	Mua thuốc Primaquin cấp cho tuyến xã	1.610,62	575,66	1.425,97	3.612,25
12.116	12.116.02	Mua thuốc Primaquin cấp cho y tế tư nhân	14,85	5,31	13,15	33,31
12.110	12.110.02	Vận chuyển quốc tế thuốc Primaquin	229,78	82,13	203,44	515,35
12.120	12.120.02	Vận chuyển trong nước thuốc Primaquin	36,23	12,95	32,07	81,25
12.104	12.104.03	Mua thuốc sốt rét phối hợp cấp cho bệnh viện/trung tâm y tế	6.310,40	1.690,29	5.972,34	13.973,03
12.111	12.111.03	Mua thuốc sốt rét phối hợp cấp cho tuyến xã	5.089,07	1.363,14	4.816,44	11.268,65

LuatVietnam

Dòng ngân sách	Mã hoạt động	Nội dung hoạt động	Ngân sách 2021	Ngân sách 2022	Ngân sách 2023	Tổng 3 năm
12.116	12.116.03	Mua thuốc sốt rét phối hợp cấp cho y tế tư nhân	46,93	12,57	44,42	103,92
12.110	12.110.03	Vận chuyển quốc tế thuốc sốt rét phối hợp	726,05	194,48	687,15	1.607,68
12.120	12.120.03	Vận chuyển trong nước thuốc sốt rét phối hợp	114,46	30,66	108,33	253,45
12.006	12.006	Cập nhật hướng dẫn chẩn đoán và điều trị sốt rét		5.652,10		5.652,10
12.007	12.007	Theo dõi hiệu quả điều trị tất cả ca bệnh sốt rét có ký sinh trùng (iDES)	96.422,29	64.693,59	33.067,90	194.183,78
12.008	12.008	Thu thập mẫu và xét nghiệm PCR đánh giá ký sinh trùng sốt rét P.falciparum kháng thuốc	14.010,08	14.010,08	14.010,08	42.030,24
12.009	12.009	Nhóm kỹ thuật xây dựng/rà soát chương trình, tài liệu và hướng dẫn tập huấn về quản lý ca bệnh cho cán bộ y tế		1.444,36		1.444,36
12.010	12.010	Tập huấn TOT cho cán bộ 3 viện và tỉnh về quản lý ca bệnh sốt rét (bao gồm chẩn đoán, điều trị, quản lý ca bệnh và giám sát/theo dõi)		28.609,49		28.609,49
12.011	12.011	Tập huấn cho cán bộ y tế tuyến huyện về quản lý ca bệnh (bao gồm chẩn đoán, điều trị, quản lý ca bệnh và giám sát/theo dõi)		166.595,43		166.595,43
12.012	12.012	Tập huấn cho cán bộ y tế tuyến xã về quản lý ca bệnh (bao gồm chẩn đoán, điều trị, quản lý ca bệnh và giám sát/theo dõi)		625.248,59		625.248,59
12.013	12.013	Giám sát chất lượng chẩn đoán và điều trị sốt rét đảm bảo tuân thủ theo hướng dẫn quốc gia	32.449,81	32.449,81	32.449,81	97.349,43
12.014	12.014	Cập nhật hướng dẫn thực hiện hoạt động của y tế thôn bản		1.721,84		1.721,84
12.015	12.015	Tập huấn cho tuyến tỉnh và huyện Dự án về hướng dẫn thực hiện hoạt động của YTTB		51.528,67		51.528,67
12.016	12.016	Tuyến huyện tập huấn cho y tế thôn bản về hướng dẫn thực hiện hoạt động của YTTB		495.905,20		495.905,20

LuatVietnam

Dòng ngân sách	Mã hoạt động	Nội dung hoạt động	Ngân sách 2021	Ngân sách 2022	Ngân sách 2023	Tổng 3 năm
12.018	12.018	Khảo sát các tỉnh vùng 4, 5 để lựa chọn điểm sốt rét	13.825,35			13.825,35
12.019	12.019	Tập huấn cho nhân viên điểm sốt rét	11.272,02	11.272,02	11.272,02	33.816,06
12.002	12.002	Tiền lương cho nhân viên hợp đồng làm việc tại điểm sốt rét	272.373,69	289.397,04	306.420,40	868.191,13
12.092	12.092	Văn phòng phẩm cho điểm sốt rét	5.823,26	5.823,26	5.823,26	17.469,78
12.079	12.079	Sàng lọc sốt rét bằng PCR cho quân nhân làm nhiệm vụ quốc tế và từ vùng 4, 5 trở về	16.739,98	16.739,98	16.739,98	50.219,94
12.107	12.107	Cung cấp túi y tế cho cán bộ tuyến thôn bản ở vùng 4, vùng 5 và điểm sốt rét	58.630,00			58.630,00
Mục tiêu 2. Bảo vệ người dân trong vùng nguy cơ bằng các biện pháp phòng chống muỗi truyền bệnh sốt rét thích hợp						
12.020	12.020	Xây dựng tài liệu tập huấn phòng chống véc tơ bao gồm: định loại, biện pháp phòng chống và các hoạt động giám sát véc tơ	1.816,50			1.816,50
12.021	12.021	Tập huấn cho tuyến tỉnh và huyện Dự án về phòng chống véc tơ bao gồm: định loại, biện pháp phòng chống và các hoạt động giám sát véc tơ		131.255,19		131.255,19
12.095	12.095	Mua màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp hàng loạt.	3.517.955,00			3.517.955,00
12.096	12.096	Vận chuyển quốc tế màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp hàng loạt	168.000,30			168.000,30
12.097	12.097	Vận chuyển trong nước màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp hàng loạt	345.808,63			345.808,63
12.098	12.098	Mua màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho phụ nữ có thai	101.675,00	91.630,00	82.320,00	275.625,00

LuatVietnam

Dòng ngân sách	Mã hoạt động	Nội dung hoạt động	Ngân sách 2021	Ngân sách 2022	Ngân sách 2023	Tổng 3 năm
12.099	12.099	Vận chuyển quốc tế màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho phụ nữ có thai	4.284,06	3.860,82	3.468,54	11.613,42
12.100	12.100	Vận chuyển trong nước màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho phụ nữ có thai	9.994,47	9.007,06	8.091,91	27.093,44
12.101	12.101.01	Mua màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho cộng đồng	10.535,00	59.045,00	436.100,00	505.680,00
12.102	12.102.01	Vận chuyển quốc tế màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho cộng đồng	443,89	2.487,85	18.375,02	21.306,76
12.103	12.103.01	Vận chuyển trong nước màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho cộng đồng	1.035,57	5.804,02	42.867,84	49.707,43
12.101	12.101.02	Mua màn đơn cấp cho quân đội	10.500,00	10.500,00	10.500,00	31.500,00
12.102	12.102.02	Vận chuyển quốc tế màn đơn cấp cho quân đội	442,42	442,42	442,42	1.327,26
12.103	12.103.02	Vận chuyển trong nước màn đơn cấp cho quân đội	1.032,13	1.032,13	1.032,13	3.096,39
12.101	12.101.03	Mua võng màn	738.889,50	706.459,00	667.323,28	2.112.671,78
12.102	12.102.03	Vận chuyển quốc tế võng màn	31.133,01	29.766,56	28.117,58	89.017,15
12.103	12.103.03	Vận chuyển trong nước võng màn	72.631,50	69.443,65	65.596,67	207.671,82
12.022	12.022	Giám sát thường quy véc tơ, độ nhạy, tập tính và khả năng kháng hóa chất tại các tỉnh vùng 4, 5	65.127,97	65.127,97	65.127,97	195.383,91
12.076	12.076	Các Viện giám sát định kỳ 3 điểm cố định theo dõi véc tơ 2 lần/năm	18.048,27	18.048,27	18.048,27	54.144,81
12.023	12.023	Vẽ bản đồ phân bố véc tơ	841,29	841,29	841,29	2.523,87
12.081	12.081	Viết báo cáo về mật độ của véc tơ, độ nhạy và dự báo thay đổi dựa trên kết quả giám sát véc tơ	1.409,16	1.409,16	1.409,16	4.227,48
12.024	12.024	Hội thảo cập nhật và dự báo tình hình véc tơ sốt rét	18.567,64	18.567,64	18.567,64	55.702,92
12.080	12.080	Chi trả công phun hoá chất tồn lưu tại các điểm	13.585,14	8.498,76	4.024,03	26.107,93

LuatVietnam

Dòng ngân sách	Mã hoạt động	Nội dung hoạt động	Ngân sách 2021	Ngân sách 2022	Ngân sách 2023	Tổng 3 năm
		có chỉ định trong can thiệp ổ bệnh				
Mục tiêu 3. Nâng cao năng lực hệ thống giám sát dịch tễ sốt rét và đảm bảo năng lực đáp ứng dịch sốt rét						
12.025	12.025	Tổ chức hội thảo với tuyến tỉnh và tuyến huyện để rà soát phần mềm báo cáo, chức năng báo cáo và hệ thống dữ liệu	13.340,91			13.340,91
12.026	12.026	Tiểu ban giám sát sốt rét họp rà soát các thông số kỹ thuật của hệ thống eCDS-MMS	1.925,53	1.925,53	1.925,53	5.776,59
12.082	12.082	Nâng cấp hệ thống eCDS-MMS	60.000,00	60.000,00	60.000,00	180.000,00
12.027	12.027	Tập huấn hàng năm cho các cán bộ của các Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng về phần mềm eCDS-MMS cập nhật	3.555,74	3.555,74	3.555,74	10.667,22
12.083	12.083	Mua hoặc thuê máy chủ và ký hợp đồng để duy trì và bảo trì thiết bị	30.000,00	5.000,00	5.000,00	40.000,00
12.028	12.028	Cập nhật hướng dẫn giám sát sốt rét quốc gia (bao gồm thuê tư vấn, họp nhóm kỹ thuật, hội thảo và thẩm định)		11.008,47		11.008,47
12.029	12.029	Tổ chức họp tại tuyến trung ương xây dựng tài liệu và lịch tập huấn về giám sát sốt rét cho cán bộ tuyến tỉnh	2.327,29		2.327,29	4.654,58
12.030	12.030	Tập huấn về giám sát sốt rét cho cán bộ tuyến tỉnh toàn quốc và đại diện của y tế các bộ ngành tại 3 miền	25.379,96		25.379,96	50.759,92
12.031	12.031	Tuyến tỉnh tập huấn giám sát sốt rét cho cán bộ y tế tuyến huyện	214.334,42		60.615,90	274.950,32
12.032	12.032	Xây dựng SOP giám sát dịch tễ cho tuyến tỉnh, tuyến huyện và tổ chức hội thảo lấy ý kiến hoàn thiện	41.331,01			41.331,01

LuatVietnam

Dòng ngân sách	Mã hoạt động	Nội dung hoạt động	Ngân sách 2021	Ngân sách 2022	Ngân sách 2023	Tổng 3 năm
12.033	12.033	Giám sát dịch tễ từ trung ương xuống tuyến dưới trong mùa cao điểm (bao gồm y tế tư nhân và các bộ ngành)	69.844,35	69.844,35	69.844,35	209.533,05
12.034	12.034	Giám sát dịch tễ từ tuyến tỉnh xuống tuyến dưới trong mùa cao điểm	120.725,31	120.725,31	120.725,31	362.175,93
12.035	12.035	Tuyến huyện giám sát dịch tễ tại tuyến xã (4 lần/xã/năm)	91.829,53	91.829,53	91.829,53	275.488,59
12.036	12.036	Tập huấn báo cáo ca bệnh, điều tra ca bệnh và phần mềm eCDS-MMS cho bệnh viện	47.947,60		47.947,60	95.895,20
12.093	12.093	Điều tra ca bệnh sốt rét	13.258,06	8.895,37	4.546,84	26.700,27
12.037	12.037	Điều tra ổ bệnh tại thôn bản theo hướng dẫn giám sát quốc gia	30.767,23	20.877,76	10.988,30	62.633,29
12.038	12.038	Điều tra ổ bệnh tại nương, rẫy, trong rừng theo hướng dẫn giám sát quốc gia	181.564,41	121.849,89	62.135,38	365.549,68
12.039	12.039	Điều tra côn trùng tại các ổ bệnh	103.478,84	69.601,84	35.724,84	208.805,52
12.040	12.040	Điều tra đáp ứng ổ bệnh tại các ổ bệnh đang hoạt động sau 30 ngày can thiệp	48.000,82	30.028,95	14.218,25	92.248,02
12.041	12.041	Cán bộ tuyến trung ương đóng điểm tại tuyến huyện trong mùa cao điểm	26.852,65	26.852,65	26.852,65	80.557,95
12.084	12.084	Hỗ trợ đi lại cho cán bộ thôn bản tham gia hoạt động phòng chống và loại trừ sốt rét tại các xã Dự án (y tế thôn bản, cộng tác viên y tế hoặc trưởng thôn...)	962.162,60	962.162,60	962.162,60	2.886.487,80
12.042	12.042	Tuyến Trung ương tổ chức điều tra phát hiện ca bệnh và điều trị ở điểm nóng tại thôn bản, rừng, rẫy (FSAT)	98.971,92	98.971,92	98.851,99	296.795,83
12.043	12.043	Tuyến huyện và xã tổ chức điều tra phát hiện ca bệnh và điều trị ở điểm nóng tại thôn bản, rừng,	81.356,31	81.356,31	81.356,31	244.068,93

LuatVietnam

Dòng ngân sách	Mã hoạt động	Nội dung hoạt động	Ngân sách 2021	Ngân sách 2022	Ngân sách 2023	Tổng 3 năm
		rẫy (FSAT)				
12.044	12.044	Tổ chức hội thảo quốc gia thống nhất đề cương phân vùng dịch tễ sốt rét			7.769,93	7.769,93
12.045	12.045	Tổ chức hội thảo quốc gia thống nhất kết quả phân vùng dịch tễ sốt rét			12.419,78	12.419,78
12.056	12.056	Tuyến Trung ương giám sát hoạt động Dự án tại tuyến dưới	55.731,26	55.731,26	55.731,26	167.193,78
12.075	12.075	Các Viện và Cục Quân y giám sát thực hiện hoạt động và quản lý Dự án tại tuyến dưới	54.684,62	54.684,62	54.684,62	164.053,86
12.057	12.057	Tuyến tỉnh giám sát hoạt động Dự án tại tuyến dưới.	171.623,44	171.623,44	171.623,44	514.870,32
12.058	12.058	Tuyến huyện giám sát hoạt động Dự án tại xã, thôn.	77.278,62	77.278,62	77.278,62	231.835,86
12.017	12.017	Tuyến xã giám sát hoạt động của tuyến thôn bản	289.730,44	289.730,44	289.730,44	869.191,32
12.073	12.073	Điều tra chỉ số hàng năm	84.528,75	84.528,75	84.528,75	253.586,25
Mục tiêu 4. Nâng cao kiến thức và hành vi của người dân nhằm chủ động bảo vệ bản thân trước bệnh sốt rét						
12.077	12.077.01	In và cấp phát Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị cập nhật cho các cơ sở y tế, bệnh viện và các bên liên quan khác		7.726,15		7.726,15
12.077	12.077.02	In và cấp phát tài liệu về quản lý ca bệnh cho các cơ sở y tế	9.641,58		9.641,58	19.283,16
12.077	12.077.03	In và cấp Hướng dẫn thực hiện hoạt động cho CBYT thôn bản	8.186,48			8.186,48
12.077	12.077.04	In và cấp vật liệu truyền thông cho các xã dự án		724,33		724,33
12.077	12.077.05	In và cấp hướng dẫn loại trừ sốt rét cho các tỉnh		305,83		305,83

LuatVietnam

Dòng ngân sách	Mã hoạt động	Nội dung hoạt động	Ngân sách 2021	Ngân sách 2022	Ngân sách 2023	Tổng 3 năm
12.077	12.077.06	In và cấp tài liệu về can thiệp phòng chống véc tơ cho các tỉnh.	4.145,51			4.145,51
12.077	12.077.07	In và cấp sổ tay hướng dẫn truyền thông	4.098,29		4.098,28	8.196,57
12.077	12.077.08	In và cấp tài liệu tập huấn		2.360,76		2.360,76
12.077	12.077.09	In hướng dẫn quy trình quản lý mua sắm		467,43		467,43
12.077	12.077.10	In và cấp tài liệu khung giám sát, theo dõi và đánh giá	467,43			467,43
12.077	12.077.11	In và cấp tài liệu cập nhật hướng dẫn giám sát quốc gia cho các cơ sở y tế		9.814,14		9.814,14
12.077	12.077.12	In và cấp tài liệu tập huấn truyền thông		14.196,78		14.196,78
12.077	12.077.13	In và cấp poster truyền thông	1.869,30			1.869,30
12.077	12.077.14	In và cấp tờ rơi truyền thông	105.590,65			105.590,65
12.046	12.046	Xây dựng đề cương, thực hiện đánh giá tại các tỉnh/huyện được lựa chọn để cập nhật các vật liệu truyền thông phòng chống sốt rét.		25.969,39		25.969,39
12.047	12.047	Họp nhóm kỹ thuật để xây dựng thông điệp và hình thức truyền thông	424,94		424,94	849,88
12.048	12.048	Tổ chức Hội thảo giới thiệu vật liệu truyền thông mới		10.889,57		10.889,57
12.085	12.085	Phối hợp với công ty để thiết kế vật liệu truyền thông	5.048,95		2.400,00	7.448,95
12.086	12.086	Xây dựng các hình thức và nội dung truyền thông phù hợp (video, ghi âm...)		2.575,38		2.575,38
12.049	12.049	Truyền thông trên các phương tiện vận tải	10.000,00	10.000,00	10.000,00	30.000,00
12.087	12.087	Lắp đặt pano truyền thông tại các huyện Dự án		98.000,00	98.000,00	196.000,00
12.088	12.088	Cung cấp phương tiện truyền thông cho cộng đồng tại tuyến xã (loa, micro …)	289.730,44			289.730,44

LuatVietnam

Dòng ngân sách	Mã hoạt động	Nội dung hoạt động	Ngân sách 2021	Ngân sách 2022	Ngân sách 2023	Tổng 3 năm
Mục tiêu 5. Quản lý và điều phối hiệu quả chương trình phòng chống và loại trừ sốt rét quốc gia						
12.001	12.001	Tiền lương cho cán bộ hợp đồng của BQLDA Trung ương	176.108,89	176.551,86	176.994,82	529.655,57
12.078	12.078.01	Chi tiền xăng cho xe ô tô của Ban QLDA Trung ương	1.591,83	1.591,83	1.591,83	4.775,49
12.078	12.078.02	Văn phòng phẩm của Ban QLDA Trung ương	2.329,30	2.329,30	2.329,30	6.987,90
12.078	12.078.03	Cước điện thoại, internet của Ban QLDA Trung ương	1.164,65	1.164,65	1.164,65	3.493,95
12.078	12.078.04	Cước chuyển phát nhanh, bưu phí của Ban QLDA Trung ương	1.746,98	1.746,98	1.746,98	5.240,94
12.078	12.078.05	Chi phí vận hành văn phòng của Ban QLDA tuyến tỉnh, viện và Cục Quân Y (bao gồm: văn phòng phẩm, xăng xe, bưu phí, cước điện thoại, internet, vệ sinh v.v)	31.057,36	31.057,36	31.057,36	93.172,08
12.078	12.078.06	Chi phí vận hành văn phòng của Ban QLDA tuyến huyện (bao gồm: văn phòng phẩm, xăng xe, bưu phí, cước điện thoại, internet, vệ sinh v.v)	76.090,53	76.090,53	76.090,53	228.271,59
12.078	12.078.07	Mua phần mềm diệt virus cho máy tính của Ban QLDA Trung ương	582,33	582,33	582,33	1.746,99
12.078	12.078.08	Chi phí dịch tài liệu của Ban QLDA Trung ương	970,54	970,54	970,54	2.911,62
12.078	12.078.09	Chi bảo dưỡng xe ô tô tại tuyến Trung ương, Viện và tỉnh	31.057,36	31.057,36	31.057,36	93.172,08
12.078	12.078.10	Chi phí tiếp khách tại Ban QLDA Trung ương	2.426,36	2.426,36	2.426,36	7.279,08
12.078	12.078.11	Bảo dưỡng máy tính cho Ban QLDA Trung ương	389,47	389,47	389,47	1.168,41
12.078	12.078.12	Phí ngân hàng của Ban QLDA Trung ương	515,08	515,08	515,08	1.545,24

LuatVietnam

Dòng ngân sách	Mã hoạt động	Nội dung hoạt động	Ngân sách 2021	Ngân sách 2022	Ngân sách 2023	Tổng 3 năm
12.050	12.050	Ban điều hành Chương trình PCSR họp định kỳ 6 tháng	5.815,21	5.815,21	5.815,21	17.445,63
12.051	12.051	Họp nhóm kỹ thuật hàng quý để rà soát các hướng dẫn, cập nhật tài liệu tập huấn, chương trình đào tạo và hướng dẫn thực hiện theo hướng dẫn của Ban điều hành quốc gia	19.255,27	19.255,27	19.255,27	57.765,81
12.052	12.052	Họp với các đối tác tại tuyến trung ương	2.124,69	2.124,69	2.124,69	6.374,07
12.053	12.053	Họp với các đối tác tại tuyến tỉnh	46.480,49	46.480,49	46.480,49	139.441,47
12.054	12.054	Hội nghị đánh giá công tác và triển khai kế hoạch hàng năm tuyến tỉnh (bao gồm đại diện các sở ban ngành)	74.945,32	74.945,32	149.890,65	299.781,29
12.055	12.055	Hội nghị đánh giá công tác và triển khai kế hoạch hàng năm tuyến trung ương (bao gồm đại diện các bộ ngành)	53.000,50	53.000,50	106.000,99	212.001,99
12.059	12.059	Họp rà soát số liệu dịch tễ để xác định các tỉnh loại trừ sốt rét	3.851,05	3.851,05	3.851,05	11.553,15
12.060	12.060	Tập huấn công nhận loại trừ sốt rét cho tuyến tỉnh và tuyến huyện			149.314,19	149.314,19
12.061	12.061	Triển khai thu thập số liệu, kiểm tra số liệu, lập hồ sơ đề nghị công nhận loại trừ sốt rét tại các tỉnh	12.439,09	12.439,09	12.439,09	37.317,27
12.062	12.062	Họp thẩm định, công nhận tỉnh, huyện đạt tiêu chí loại trừ sốt rét	2.108,81	2.108,81	2.108,81	6.326,43
12.063	12.063	Hội thảo quốc gia hoàn thiện hướng dẫn loại trừ sốt rét	4.760,16			4.760,16
12.064	12.064	Cán bộ tham dự hội nghị quốc tế	12.300,00	12.300,00	12.300,00	36.900,00
12.089	12.089	Bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị phục vụ công tác quản lý dự án tại tuyến xã	56.250,00	56.250,00	56.250,00	168.750,00

LuatVietnam

Dòng ngân sách	Mã hoạt động	Nội dung hoạt động	Ngân sách 2021	Ngân sách 2022	Ngân sách 2023	Tổng 3 năm
12.065	12.065	Họp xây dựng và cập nhật tài liệu tập huấn quản lý chương trình PCSR quốc gia	1.937,97			1.937,97
12.066	12.066	Tập huấn quản lý chương trình cho cán bộ tuyến tỉnh	14.245,72			14.245,72
12.067	12.067	Tập huấn quản lý chương trình cho cán bộ tuyến huyện	68.342,05			68.342,05
12.068	12.068	Tập huấn quản lý tài chính cho cán bộ tuyến tỉnh và huyện	46.846,19	46.846,19	46.846,19	140.538,57
12.094	12.094	Cập nhật và bảo trì phần mềm kế toán	17.598,44	17.598,44	17.598,44	52.795,32
12.069	12.069	Hội nghị vận động đầu tư cho phòng chống và loại trừ sốt rét tuyến trung ương	3.554,03	3.554,03	3.554,03	10.662,09
12.070	12.070	Hội nghị vận động đầu tư cho phòng chống và loại trừ sốt rét tại tuyến tỉnh	21.169,64	21.169,64	21.169,64	63.508,92
12.090	12.090	Kiểm toán độc lập Dự án hàng năm	49.199,86	49.199,86	98.399,71	196.799,43
12.071	12.071	Tổ chức các hội thảo quốc tế về phòng chống và loại trừ sốt rét			6.779,16	6.779,16
12.091	12.091	Phối hợp với Cục Quản lý dược xây dựng hồ sơ nhập khẩu thuốc sốt rét	5.000,00	5.000,00	5.000,00	15.000,00
12.072	12.072	Đánh giá, cập nhật nội dung theo dõi giám sát đánh giá quốc gia phù hợp với mục tiêu loại trừ sốt rét		3.517,54		3.517,54
12.074	12.074	Xây dựng đề cương và thực hiện đánh giá Dự án giữa kỳ		100.000,00		100.000,00
Tổng			**10.491.698,58**	**6.947.967,84**	**6.139.636,58**	**23.579.303,00**

LuatVietnam

Bảng 2. Nhu cầu sử dụng vốn đối ứng

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên đơn vị	Đối ứng năm 2021	Đối ứng năm 2022	Đối ứng năm 2023	Tổng đối ứng 3 năm
1	Lai Châu	400.000.000	300.000.000	300.000.000	1.000.000.000
2	Điện Biên	301.000.000	301.000.000	301.000.000	903.000.000
3	Sơn La	85.785.000	85.785.000	85.785.000	257.355.000
4	Lào Cai	367.200.000	397.920.000	430.560.000	1.195.680.000
5	Hà Giang	166.666.600	166.666.700	166.666.700	500.000.000
6	Bắc Kạn	180.000.000	180.000.000	180.000.000	540.000.000
7	Cao Bằng	416.310.000	416.310.000	416.310.000	1.248.930.000
8	Hòa Bình	159.533.300	159.533.300	159.533.400	478.600.000
9	Thanh Hóa	740.000.000	740.000.000	740.000.000	2.220.000.000
10	Nghệ An	600.000.000	600.000.000	600.000.000	1.800.000.000
11	Hà Tĩnh	745.686.000	801.255.000	872.381.000	2.419.322.000
12	Quảng Bình	700.000.000	600.000.000	500.000.000	1.800.000.000
13	Quảng Trị	460.000.000	460.000.000	460.000.000	1.380.000.000
14	Thừa Thiên Huế	350.000.000	350.000.000	350.000.000	1.050.000.000
15	Quảng Nam	458.836.560	458.836.560	458.836.560	1.376.509.680
16	Quảng Ngãi	438.074.000	438.074.000	438.075.000	1.314.223.000
17	Bình Định	486.192.000	486.192.000	486.192.000	1.458.576.000

LuatVietnam

TT	Tên đơn vị	Đối ứng năm 2021	Đối ứng năm 2022	Đối ứng năm 2023	Tổng đối ứng 3 năm
18	Phú Yên	448.333.300	448.333.300	448.333.400	1.345.000.000
19	Khánh Hòa	412.000.000	412.000.000	412.000.000	1.236.000.000
20	Ninh Thuận	466.666.600	466.666.700	466.666.700	1.400.000.000
21	Bình Thuận	576.000.000	576.000.000	576.000.000	1.728.000.000
22	Gia Lai	1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000	3.900.000.000
23	Kon Tum	530.000.000	575.000.000	620.000.000	1.725.000.000
24	Đăk Lăk	525.702.300	525.702.300	525.702.400	1.577.107.000
25	Đăk Nông	617.488.600	617.488.700	617.488.700	1.852.466.000
26	Lâm Đồng	471.900.000	471.900.000	471.900.000	1.415.700.000
27	Đồng Nai	204.000.000	204.000.000	204.000.000	612.000.000
28	Bình Dương	170.400.000	170.400.000	170.400.000	511.200.000
29	Bình Phước	500.000.000	600.000.000	700.000.000	1.800.000.000
30	Tây Ninh	276.883.300	276.883.300	276.883.400	830.650.000
31	Bà Rịa - Vũng Tàu	398.333.000	398.333.000	398.334.000	1.195.000.000
32	Long An	1.062.779.000	1.062.779.000	1.062.779.809	3.188.337.809
33	Sóc Trăng	210.376.000	210.376.000	210.377.000	631.129.000
34	Kiên Giang	234.556.992	234.556.992	234.556.992	703.670.976
35	Bạc Liêu	183.073.320	183.073.320	183.073.320	549.219.960
36	Cà Mau	382.480.165	382.480.165	382.480.165	1.147.440.494

LuatVietnam

TT	Tên đơn vị	Đối ứng năm 2021	Đối ứng năm 2022	Đối ứng năm 2023	Tổng đối ứng 3 năm
37	Viện Sốt rét -Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương	602.180.000	602.180.000	602.180.000	1.806.540.000
38	Viện Sốt rét -Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn	300.000.000	300.000.000	300.000.000	900.000.000
39	Viện Sốt rét -Ký sinh trùng - Côn trùng TP. Hồ Chí Minh	229.500.000	229.000.000	228.000.000	686.500.000
40	Cục Quân y	0	0	0	0
Tổng		**17.157.936.037**	**17.188.725.337**	**17.336.495.546**	**51.683.156.919**

LuatVietnam